

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau, dẫn đến nhiều bất đồng trong quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Tôn Thất N.

Về con chung: Ông, bà có 03 con chung là: Tôn Nữ Đài T, sinh ngày 08/7/2023; Tôn Thất Hoàng L, sinh ngày 18/7/2007; Tôn Thất Hoàng B sinh ngày 19/8/2010. Cháu T đã trưởng thành bà C không yêu cầu giải quyết. Hiện nay bà lâm vào tình trạng nợ nần, không có nhà ở, không công ăn việc làm, không có khả năng nuôi con, các con đều đang sống với ông N nên ly hôn bà đề nghị giao 02 con B và L cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, bà không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Giữa bà và ông N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Giữa bà và ông N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Hữu Diễm C đối với ông Tôn Thất N.

- Về con chung: Giao con chung Tôn Thất Hoàng L, sinh ngày 18/7/2007; Tôn Thất Hoàng B sinh ngày 19/8/2010 cho ông Tôn Thất N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà C đề nghị Tòa án không giải quyết về tài sản chung nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

- Về nợ chung: Bà C xác định vợ chồng không có nợ chung nên Viện kiểm sát không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Hữu Diễm C đối với ông Tôn Thất N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn có địa chỉ tại quận H, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hữu Diễm C và ông Tôn Thất N đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2002 tại UBND phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hữu Diễm C thì thấy: Quá trình chung sống bà C và ông Tôn Thất N đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, dẫn đến nhiều bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hòa giải nhưng ông N vẫn không có mặt, không có văn bản phản hồi. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích pháp lý và tình cảm cho bà C nhưng bà vẫn kiên quyết xin ly hôn và xác định không còn tình cảm, không thể sống chung với ông N. Xét thấy tình cảm vợ chồng cần phải vun đắp từ hai phía mới đảm bảo cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông N đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C là phù hợp với Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu của bà Lê Hữu Diễm C về việc giao con chung cho ông N nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con thì thấy:

Bà C và ông N có 03 con chung là Tôn Nữ Đài T, sinh ngày 08/7/2023; Tôn Thất Hoàng L, sinh ngày 18/7/2007; Tôn Thất Hoàng B sinh ngày 19/8/2010. Cháu T đã trưởng thành bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 02 con Tôn Thất Hoàng L và Tôn Thất Hoàng B: Bà C khai rằng hiện nay bà C lâm vào tình trạng nợ nần, không có tài sản, nhà cửa, thu nhập. Thực tế 02 cháu Tôn Thất Hoàng L và Tôn Thất Hoàng B đang sinh sống ổn định cùng ông N. Tại biên bản lấy lời khai của cháu B và cháu T, cả hai cháu đều thống nhất trình bày hiện nay bà C nợ nần, đi xa, các cháu cháu có nguyện vọng tiếp tục ở với ông N. Để đảm bảo mọi mặt cho cháu L và B, tránh xáo trộn về sinh hoạt cũng như nơi ăn ở, học tập của 02 cháu, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu B và bà C, cần thiết giao 02 cháu Tôn Thất Hoàng L và Tôn Thất Hoàng B cho ông Tôn Thất N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 02 cháu trưởng thành, bà C không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Hữu Diễm C không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Hữu Diễm C phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hữu Diễm C về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” đối với ông Tôn Thất N.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hữu Diễm C được ly hôn với ông Tôn Thất N.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Tôn Thất Hoàng L, sinh ngày 18/7/2007; Tôn Thất Hoàng B sinh ngày 19/8/2010 ông cho Tôn Thất N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Lê Hữu Diễm C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung của các bên thực hiện theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về quan hệ tài sản chung: Bà Lê Hữu Diễm C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Bà Lê Hữu Diễm C xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình 300.000 đồng bà Lê Hữu Diễm C phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà C đã nộp theo biên lai thu số 0007338 ngày 13 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q Hải Châu;
- Cơ quan THADS Q. Hải Châu;
- UBND phường Thuận Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu